

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán
Công trình: Hạ tầng điểm dân cư khu vực Đồng Quan, thôn Thái Bình, xã Thái Hòa,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 9118/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư khu vực Đồng Quan, thôn Thái Bình, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 39/TĐ-KTHT ngày 22/02/2021; Chủ tịch UBND xã Thái Hòa tại Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 03/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình **Hạ tầng** điểm dân cư khu vực Đồng Quan, thôn Thái Bình, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng điểm dân cư khu vực Đồng Quan, thôn Thái Bình, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp 4.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn.

4. Đơn vị khảo sát lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Hưng Cường.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.

6.1. Bình đồ hướng tuyến:

Các tuyến đường được thiết kế theo quy hoạch được duyệt của khu dân cư.

- Tuyến 1: Điểm đầu Km0 giao với đường trục thôn; điểm cuối Km0+34,75 giáp ruộng lúa, chiều dài tuyến L=34,75m.

- Tuyến 2: Điểm đầu Km0 giao với đường trục thôn; điểm cuối Km0+34,84 giáp ruộng lúa, chiều dài tuyến L=34,84m.

- Tuyến 3: Điểm đầu Km0 giao với tuyến 2; điểm cuối Km0+159,15 giao với đường nội đồng, chiều dài tuyến L= 159,15m.

6.2. Trắc dọc tuyến: Cao độ đường đỏ tuyến đường thiết kế thiết kế phù hợp với hiện trạng khu vực.

6.3. Mặt cắt ngang:

* Tuyến 1:

- Bề rộng nền đường : $B_n = 13,5m;$
- Bề rộng mặt đường : $B_m = 7,5m;$
- Bề rộng lề đường: $Blề = 2 \times 3,0m;$

* Tuyến 2:

- Bề rộng nền đường : $B_n = 12,5m;$
- Bề rộng mặt đường : $B_m = 5,5m;$
- Bề rộng lề đường: $Blề = 2 \times 3,0m;$
- Bề rộng vỉa hè phải: $Blề = 3,0m;$

* Tuyến 3:

- Bề rộng nền đường : $B_n = 3,0m;$

6.4. Kết cấu nền, mặt đường:

* Tuyến 1,2:

- Mặt đường bê tông xi măng M250 đá 1x2 dày 18cm;
- Lớp nilon tái sinh lót chống mất nước;
- Lớp cát tạo phẳng dày 3cm;
- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 12cm;
- Đắp đất nền đường, lề đường đầm chặt K=0,95.

* Tuyến 3: Đắp đất nền đường đầm chặt K=0,95.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn.

7.1. Giá trị dự toán : 473.655.000đ.

(Bốn trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp: 396.435.000đ;
- Chi phí QLDA: 7.966.181đ;
- Chi phí TVĐTXD: 40.559.752đ;
- Chi phí khác: 6.139.248đ;
- Chi phí dự phòng: 22.555.009đ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7.2. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất của xã Thái Hòa và huy động hợp pháp khác.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Thái Hòa; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG ĐIỂM DÂN CƯ KHU VỰC ĐỒNG QUAN, THÔN THÁI BÌNH,
XÃ THÁI HÒA, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	360.395.455	36.039.545	396.435.000
	Chi phí xây dựng		360.395.455	36.039.545	396.435.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	7.966.181		7.966.181
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	36.872.502	3.687.250	40.559.752
1	Chi phí khảo sát địa hình		6.721.818	672.182	7.394.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		20.902.936	2.090.294	22.993.230
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp		9.247.747	924.775	10.172.522
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	5.706.192	433.056	6.139.248
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		89.994		89.994
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		1.285.636		1.285.636
3	Chi phí kiểm toán		4.330.562	433.056	4.763.618
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	20.547.016	2.007.993	22.555.009
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		20.547.016	2.007.993	22.555.009
	TỔNG CỘNG		431.487.346	42.167.844	473.655.190
	LÀM TRÒN				473.655.000
<i>(Bốn trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)</i>					